

BIỂU MẪU CÔNG KHAI VỀ TÀI CHÍNH*(Kèm theo Công văn số 13/PGDDĐT ngày 24/3/2022 của Phòng GDĐT quận Lê Chân)*

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 71/QĐ-THCS.

Quận Lê Chân, ngày 25 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố công khai (dự toán/quyết toán) ngân sách và các khoản thu năm 2022****HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ quyết định giao, phân bổ dự toán số 300/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của ủy ban nhân dân quận Lê Chân);

Theo đề nghị của (Kế toán trưởng/Kế toán /bộ phận kế toán).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu (dự toán/quyết toán) ngân sách và các khoản thu năm 2022 của trường THCS Trương Công Định (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng, (kế toán trưởng/phụ trách kế toán), các (phòng/tổ/bộ phận) có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3

- ... ;

- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG*(ký tên, đóng dấu)***HIỆU TRƯỞNG***Hà Huy Hiệp*

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-THCS ngày 31/03/2023 của Trường THCS Trương Công Định)

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	757.841.254
1.2	Mức thu ...	
1.3	Tổng số thu trong năm	1.389.568.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.147.409.254
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
1.6	Số chi trong năm	884.554.076
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	275.777.200
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	608.776.876
	- Chi khác: ...	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
2.1	Học thêm	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	266.966.480
2.1.2	Mức thu ...	9.000đ/1 tiết
2.1.3	Tổng số thu trong năm	583.462.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	850.428.480
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
2.1.6	Số chi trong năm	772.047.608
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	540.433.256
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	69.484.284
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	92.645.712
	- Chi phúc lợi	69.484.365
	- Chi khác: ...	
2.1.7	Số dư cuối năm	78.380.872
	...	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1	...	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: -	
	-	
	-	
3.1.6	Số dư cuối năm	
	
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1	...	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.1.2	Mức thu	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
4.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:	
4.1.7	Số dư cuối năm	
	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
5.1	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.1.2	Mức thu	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
5.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy ...	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác: ...	
5.1.7	Số dư cuối năm	
	
	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,..... (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
6.1	Đoàn đội	

6.1.1	Số học sinh	1652.5
6.1.2	Mức thu ...	25.000
6.1.3	Tổng thu	41.312.500
6.1.4	Dư năm trước chuyển sang	59.454.830
6.1.5	Đã chi	73.136.000
6.1.6	Dư	27.631.330
6.2	Khuyến học	
6.2.1	Số học sinh	1653
6.2.2	Mức thu ...	30.000
6.2.3	Tổng thu	49.590.000
6.2.4	Dư năm trước chuyển sang	11.457.300
6.2.5	Đã chi	40.905.000
6.2.6	Dư	27.631.330
6.3	Phụ huynh học sinh	
6.3.1	Số học sinh	1627.5
6.3.2	Mức thu ...	80.000
6.3.3	Tổng thu	130.200.000
6.3.4	Dư năm trước chuyển sang	102.666.450
6.3.5	Đã chi	110.010.565
6.1.6	Dư	105.221.149
6.4	Tin nhắn điện tử	
6.4.1	Số học sinh	1.317
6.4.2	Mức thu ...	75.000
6.4.3	Tổng thu	98.767.000
6.4.4	Dư năm trước chuyển sang	40.740.000
6.4.5	Đã chi	139.507.000
6.1.6	Dư	0
6.5	Nước uống học sinh	
6.5.1	Số học sinh	830
6.5.2	Mức thu ...	50.000
6.5.3	Tổng thu	41.460.000
6.5.4	Dư năm trước chuyển sang	0
6.5.5	Đã chi	41.460.000
6.5.6	Dư	0
6.6	Phô tô đề	
6.6.1	Số học sinh	1652
6.6.2	Mức thu ...	K6,7,8; 30.000, khối 9; 40.000
6.6.3	Tổng thu	53.475.000
6.6.4	Dư năm trước chuyển sang	12.345.000
6.6.5	Đã chi	64.090.000
6.6.6	Dư	1.730.000
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng Anh	

4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.022.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	8.219.000.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.013.000.000
	Chi mua sắm sửa chữa	200.000.000
	Chi khác:	90.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	500.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	500.000.000
	Chi khác:	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:	
II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	...	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	...	
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	12.000.000
	Mức bình quân (đ/người/năm)	11.000.000
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	10.000.000
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	11.900.000
	Mức bình quân (đ/người/năm)	7.720.000

	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	3.540.000
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	790.000
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	2.593.000

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đào Thị Thu Huyền

Lê Chân, ngày 10 tháng 3 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Hà Huy Hiệp